TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN LÃO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2023/HNGĐ-ST
Ngày 30-8-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Trọng Đạt

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phùng Ngọc Anh

Ông Nguyễn Văn Thắng

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Gấm - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Công Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2023/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 6 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 707/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 748/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Hoàng Thị N, nơi ĐKTT: Thôn Đ, xã Q, huyện A, Hải Phòng; nơi sinh sống: Thôn A, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

- *Bị đơn*: Anh Phan Thanh T, nơi cư trú: Thôn Đ, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Hoàng Thị N trình bày: Chị và anh Phan Thanh T tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng. Trong quá trình chung sống, chị và anh T xảy ra nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách không phù hợp, không tìm được tiếng nói chung; không tôn trọng, tin tưởng, thông cảm, chia sẻ, yêu thương nhau. Mặt khác, anh T còn chơi bời, cờ bạc dẫn đến nợ nần. Từ đầu năm 2022, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn A, xã A, huyện A sinh sống. Từ đó đến nay, vợ, chồng sống ly thân, không quan tâm đến

nhau. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên đề nghị Toà án giải quyết được ly hôn anh T. Chị và anh T có 02 con chung tên là Phan Hoàng Thanh T, sinh ngày 25-6-2014 và Phan Hoàng A, sinh ngày 12-8-2019. Chị nhận nuôi cháu Hoàng A, để anh T nuôi cháu T, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh T không có mặt theo giấy triệu tập, cũng không giao nộp bản khai cho Toà án.

Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được thể hiện: Những năm gần đây, tình trạng hôn nhân của chị N và anh T không còn hòa thuận, hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Từ đầu năm 2022 đến nay, chị N và anh T sống ly thân. Hiện nay, chị N và anh T đều là lao động tự do, có chỗ ở ổn định. Cháu T có nguyện vọng được ở với anh T.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh T; giao cháu Hoàng A cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung, đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, chị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả xác minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án có quan hệ tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung, bị đơn là anh Phan Thanh T, cư trú tại thôn Đ, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà không có lý do mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Về hôn nhân:

[3] Chị Hoàng Thị N và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ độ tuổi kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện A, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 63 ngày 08-11-2012. Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[4] Nhiều năm nay, tình trạng hôn nhân của chị N và anh T đã không còn hòa thuận, hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Từ đầu năm 2022 đến nay, chị N và anh T sống ly thân. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh T nhiều lần, thông báo về phiên hòa giải nhưng anh T vẫn không đến Tòa án tham gia tố tụng. Cho thấy, anh T không có thiện chí gặp gỡ, trao đổi với chị N để có thể giải quyết mâu thuẫn, quay về đoàn tụ. Xét thấy, chị N và anh T đã không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chung sống với nhau; vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể kéo dài nên có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Chị N và anh T có có 02 con chung là Phan Hoàng Thanh T, sinh ngày 25-6-2014 và Phan Hoàng A, sinh ngày 12-8-2019. Hiện tại, cả chị N và anh T đều có điều kiện nuôi con. Cháu T có nguyện vọng được ở cùng anh T. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị N, giao cháu Hoàng A cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị N và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị N và anh T vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị N được ly hôn anh Phan Thanh T.

2. Về con chung:

Giao cháu Phan Hoàng Thanh T, sinh ngày 25 tháng 6 năm 2014 cho anh Phan Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Phan Hoàng A, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2019 cho chị Hoàng Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 (*mười tám*) tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Hoàng Thị N không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải nộp 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Hoàng Thị N đã nộp là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001532 ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng; chị Hoàng Thị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị N và anh Phan Thanh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- UBND xã Q, huyện A;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Trọng Đạt